TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày: 23 - 01 - 2025
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Ngô Thị Út Hậu.
2. Bà Bùi Thanh Hà.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Ông Lê Vũ Kỳ.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 278/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Th**, sinh năm 1959. *(có mặt)*
Địa chỉ: Số K, Khu vực E, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Dương Thị D**, sinh năm 1955. *(có mặt)*
Địa chỉ: Số H, Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện ngày 10/10/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Th trình bày:***

Vào ngày 20/11/1999, bà Dương Thị D có đến nhà bà xin vay 10 chỉ vàng 24K để xây cầu tiêu máy tại nhà của bà D đang ở, bà và bà D là chỗ chị em hàng xóm với nhau nên muốn giúp đỡ nên bà cho mượn 10 chỉ vàng 24K, lãi suất 03 phân vàng quy ra thành tiền đóng cho bà. Do chỗ quen biết nên bà cho mượn mà không có làm giấy biên nhận nợ.

Bà D đóng lãi cho bà được 02 tháng thì bà D bị tai nạn gãy chân và không đóng lãi và cũng không trả vốn cho bà. Bà đã nhiều lần đến đòi bà D trả số vàng

cho bà nhưng bà D cứ hứa hẹn kéo dài không trả cho đến nay. bà D được nhà nước bồi thường tiền trên 100.000.000đồng trong dự án mở rộng lộ cầu Ô Môn, nhưng bà D cố tình không trả cho bà số vàng đã mượn. Bà có làm đơn thưa gửi đến chính quyền để yêu cầu giải quyết yêu cầu bà D trả số vàng cho bà, tại phiên hòa giải thì bà D chối bỏ nói không có mượn vàng của bà, và yêu cầu đưa ra giấy tờ chứng minh đã mượn vàng của bà. Sau khi chính quyền động viên thì bà D lại thừa nhận là có mượn nhưng đóng lãi quá lời quá vốn.

Do đó, bà đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu bà D trả cho bà 10 chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên, do hoàn cảnh bà D khó khăn nên bà đồng ý quy đổi 10 chỉ vàng 24K bằng số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*. Nay bà chỉ yêu cầu bà D trả cho bà số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng),* không yêu cầu tính lãi.

**** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/12/2024, bị đơn bà Dương Thị D trình bày:***

Bà có quen biết với bà Trần Thị Th và có mượn 01 cây vàng của bà Th vào năm 1998, khi mượn hai bên không có làm giấy tờ gì. Sau khi mượn bà đã trả vốn và đóng lời cho bà Th mỗi tháng 05 phân vàng cho đến năm 2001 thì bà bị bệnh nên không đóng nữa, bà Th cũng không đòi bà trả vàng hay đóng lời nữa. Bà đã trả vốn và đóng lời cho bà Th trong 03 năm, số vàng bà đã trả hơn số vàng đã mượn của bà Th. Việc bà trả vốn và đóng lời cho bà Th mỗi tháng, hai bên đều không có làm giấy tờ gì. Nay bà Th khởi kiện yêu cầu bà trả 10 chỉ vàng 24K thì bà không đồng ý, vì số vàng bà mượn của bà Th thì bà đã đóng lời và trả vốn xong, hiện bà không còn nợ bà Th.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Trần Thị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Dương Thị D trả cho bà 10 chỉ vàng 24K - tương đương số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà Dương Thị D thừa nhận có mượn bà Th 10 chỉ vàng 24K nhưng đã trả xong nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định tại Điều 48, 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Giữa bà Trần Thị Th và bà Dương Thị D có mối quan hệ hàng xóm. Theo đơn khởi kiện, năm 1999, bà D có đến nhà bà Th xin vay 10 chỉ vàng 24K (01 cây vàng 24K), lãi suất 03 phân vàng mỗi tháng để xây nhà vệ sinh. Do là chỗ quen biết hàng xóm với nhau nên bà Th cho bà D mượn mà không có làm giấy tờ chứng minh, đóng lãi được 02 tháng thì bà D bị tai nạn gãy chân nên không đóng lãi tiếp và cũng không trả lại số nợ 10 chỉ vàng 24K cho bà Th. bà Th đã nhiều lần đòi nhưng bà D lần lượt hứa hẹn mà không trả. Tại biên bản lấy lời khai của bà D vào ngày 16/12/2024, bà D thừa nhận có mượn 01 cây vàng của bà Th vào năm 1998 và đã trả vốn, đóng lãi cho bà Th hoàn thành xong vào năm 2001, việc vay mượn và trả tiền đều không có giấy tờ chứng minh. Việc mượn nợ của bà D là có thật được bà D thừa nhận tại các biên bản hòa giải và biên bản lấy lời khai, tuy nhiên việc trả nợ thì các bên không có chứng cứ gì chứng minh đã hoàn thành xong việc trả nợ.

Căn cứ Điều 166, 280 Bộ luật dân sự 2015; Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Buộc bà Dương Thị D có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Th số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung vụ án, quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp Đòi lại tài sản*". Đây là tranh chấp dân sự giữa cá nhân với cá nhân, được pháp luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô Môn theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 và Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Th cho rằng, vào năm 1999, bà D có mượn của bà Th 10 chỉ vàng 24K, lãi suất mỗi tháng 03 phân vàng, không thỏa thuận thời hạn trả, không có làm giấy biên nhận nợ, bà D đóng lãi cho bà Th được 02 tháng thì ngưng không đóng lãi và cũng không trả vốn. Do đó, bà Th khởi kiện yêu cầu bà D trả 10 chỉ vàng 24K tương đương số tiền 50.000.000 đồng.

Bà D thừa nhận vào năm 1998, bà D có mượn của bà Th 10 chỉ vàng 24K, lãi suất mỗi tháng 05 phân vàng, bà D đã đóng lãi và trả nợ gốc cho bà Th từ năm 1998 đến năm 2001 thì dứt điểm số nợ trên, lúc mượn vàng và trả nợ đều không có làm giấy tờ. Do đã trả nợ xong nên bà D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Th. Tại phiên tòa, bà D xác định mỗi tháng bà D trả cho bà Th vốn và lãi là 01 chỉ vàng 24K.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết vụ án, bà D thừa nhận vào năm 1999 bà D có mượn của bà Th 10 chỉ vàng 24K và đã trả xong nợ gốc, lãi cho bà Th từ năm 2001.

Tại phiên tòa, bà Th và bà D cùng xác định: Trong khoảng thời gian từ năm 1998 đến năm 1999, bà D có vay của bà Th 10 (mười) chỉ vàng 24K, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, không có làm giấy tờ và cũng không có người chứng kiến, giao nhận vàng tại nhà của bà Th, do sự việc đã quá lâu nên bà Th và bà D không nhớ thời gian cụ thể, từ trước đến nay bà D chỉ vay của bà Th 10 chỉ vàng 24K, không có lần vay mượn nào khác nữa. Từ đó có cơ sở để xác định, bà D có vay của bà Th 10 chỉ vàng 24K là sự thật. Mặc dù bà D cho rằng đã trả xong vốn và lãi cho bà Th nhưng ngoài lời trình bày thì bà D không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc đã trả nợ cho bà Th; phía bà Th thì không thừa nhận. Như vậy, lời thừa nhận của bà D được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Th đối với bà D là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình bà D khó khăn nên bà Th tự nguyện quy đổi giá trị 10 chỉ vàng 24K tương đương số tiền 50.000.000 đồng là có lợi cho phía bà D nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên cho thấy, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên, bà D thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Nguyên đơn bà Th được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 92, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Th đối với bị đơn bà Dương Thị D.

Buộc bà Dương Thị D trả cho bà Trần Thị Th số tiền là 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng).*

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:** Bà Dương Thị D được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Ngô Thị Út Hậu	**Bùi Thanh Hà**	**Bùi Trần Thanh Thế**